

# 1 Mũi Taro Xoắn Dành Cho Lỗ Bít

| Overall length | Chamfer+ full thread | Thread length | Thread + Neck length | Shank length | Shank dia. | Size of square | Length of square |
|----------------|----------------------|---------------|----------------------|--------------|------------|----------------|------------------|
| L              | ℓt                   | ℓ             | ℓn                   | ℓs           | Ds         | K              | ℓk               |

JIS

①

Spiral Fluted Taps  
(for blind hole)

②

Spiral Fluted Taps  
(for through hole)

③

Spiral Pointed Taps  
(for through hole)

④

Hand Taps

⑤

Cemented  
Carbide Taps

⑥

Roll Taps

⑦

Special Thread Taps  
(Simple Inspection Tools)

⑧

Pipe Taps

⑨

Thread Mills

⑩

Dies

⑪

Center Drills  
Centering Tools

JIS

①-165

S

## F-SP

Mũi Taro Xoắn Dành Cho Gia Công Tốc Độ Cao  
(Spiral Fluted Taps for High Speed Tapping)



Thông Số Kỹ Thuật

HSS

Coating



Khuyến Nghị Tốc Độ Cắt Dựa Trên Vật Liệu Phôi

Thép Các Bon Thấp  
(Low carbon steels)  
低炭素鋼  
15~25  
(m/min)

Thép Các Bon Trung Bình  
(Medium carbon steels)  
中炭素鋼  
15~25  
(m/min)

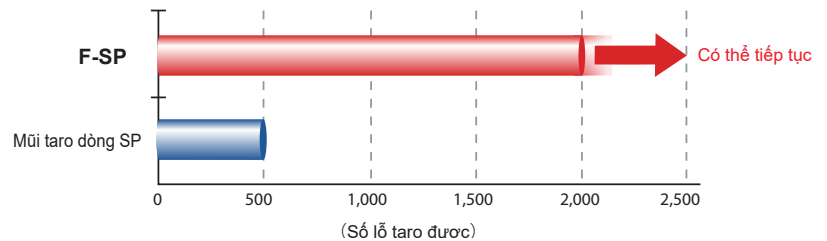
### Các Tính Năng Sản Phẩm

- Có thể gia công tốc độ cao với các máy được trang bị cơ cấu bước tiến dao (feed) đồng bộ hoàn toàn.
- F-SP thể hiện tính năng thoát phoi tuyệt vời từ hình dạng rãnh thoát phoi độc đáo của nó và chiều dài phần ren ngắn.
- Ở tốc độ thấp, hình dạng và sự phóng ra của phoi có thể xấu đi, nguyên nhân gây ra các vấn đề.

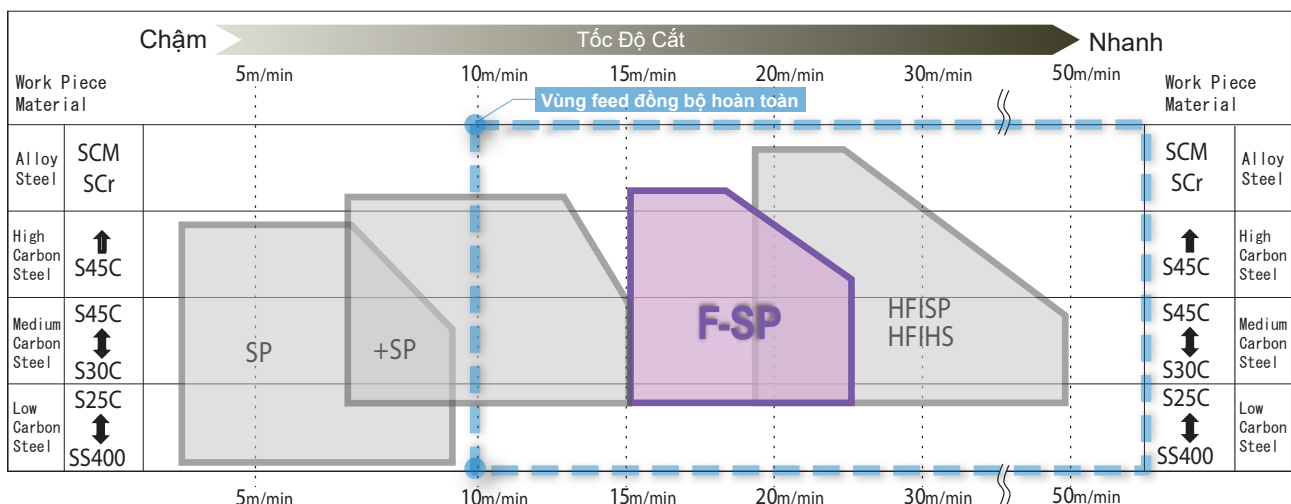
### Dữ Liệu Taro

#### Các Điều Kiện Cắt Cho [M6×1]

|                      |                                |
|----------------------|--------------------------------|
| Vật liệu phôi        | S50C                           |
| Hình dạng lỗ         | Lỗ bít                         |
| Chiều dài ren        | 1.5D ~                         |
| Loại máy             | Trung tâm gia công CNC (M/C)   |
| Hướng taro ren       | Đứng                           |
| Bước tiến dao (feed) | Đồng bộ (Synchronous)          |
| Tốc độ cắt           | 20m/phút                       |
| Dầu tưới nguội       | Dầu cắt gọt hòa tan trong nước |
| Phương pháp tạo lỗ   | Khoan                          |
| Số lỗ ren taro được  | 2,000                          |



### Sơ Đồ Tốc Độ



Phạm vi tốc độ theo vật liệu phôi.

Think threads with  
**YAMAWA**

| Overall length | Chamfer+ full thread | Thread length | Thread + Neck length | Shank length   | Shank dia.     | Size of square | Length of square |
|----------------|----------------------|---------------|----------------------|----------------|----------------|----------------|------------------|
| L              | ℓ <sub>t</sub>       | ℓ             | ℓ <sub>n</sub>       | ℓ <sub>s</sub> | D <sub>s</sub> | K              | ℓ <sub>k</sub>   |

1

JIS

Spiral Fluted Taps  
(for blind hole)

①

②

Spiral Pointed Taps  
(for through hole)

③

Hand Taps

④

Cemented  
Carbide Taps

⑤

Roll Taps

⑥

Special Thread Taps  
Simple Inspection Tools

⑦

Pipe Taps

⑧

Thread Mills

⑨

Dies

⑩

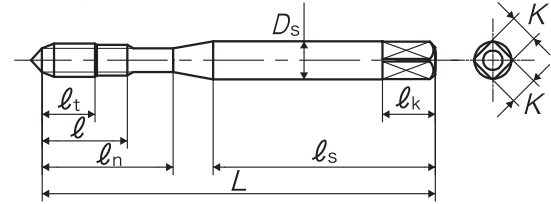
Center Drills  
Centering Tools

⑪

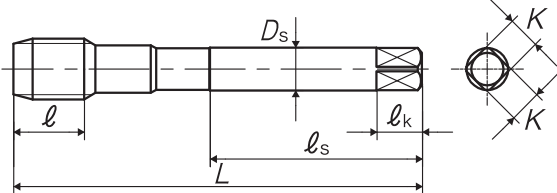
JIS

①-166

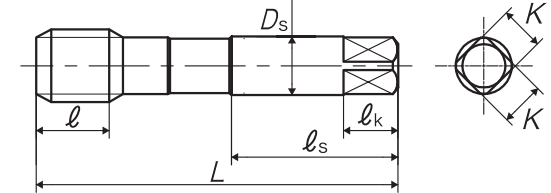
TYPE :1



TYPE :2



TYPE :3



Segment : 1C

| Size                | Class | Code       | Chamfer | L<br>(mm) | ℓ <sub>t</sub><br>(mm) | ℓ<br>(mm) | ℓ <sub>n</sub><br>(mm) | ℓ <sub>s</sub><br>(mm) | D <sub>s</sub><br>(mm) | K<br>(mm) | ℓ <sub>k</sub><br>(mm) | No. of<br>flutes | TYPE | MSRP     |
|---------------------|-------|------------|---------|-----------|------------------------|-----------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------|------------------------|------------------|------|----------|
| Dành Cho Ren Hệ Mét |       |            |         |           |                        |           |                        |                        |                        |           |                        |                  |      |          |
| M3× 0.5             | P2    | VFSHMQ3.0G | 2.5P    | 46        | 5                      | 9         | 14                     | 26                     | 4                      | 3.2       | 6                      | 3                | 1    | ¥ 3,230  |
| M4× 0.7             | P2    | VFSHMQ4.0I | 2.5P    | 52        | 7                      | 11        | 17                     | 29                     | 5                      | 4         | 7                      | 3                | 1    | ¥ 3,280  |
| M5× 0.8             | P2    | VFSHMQ5.0K | 2.5P    | 60        | 9                      | 13        | 22                     | 33                     | 5.5                    | 4.5       | 7                      | 3                | 1    | ¥ 3,520  |
| M6× 1               | P2    | VFSHMQ6.0M | 2.5P    | 62        | 11                     | 15        | 26                     | 33                     | 6                      | 4.5       | 7                      | 3                | 1    | ¥ 3,780  |
| M8× 1.25            | P3    | VFSHMR8.0N | 3P      | 70        | -                      | 12        | -                      | 36                     | 6.2                    | 5         | 8                      | 3                | 2    | ¥ 5,030  |
| M10× 1.5            | P3    | VFSHMR0100 | 3P      | 75        | -                      | 13        | -                      | 38                     | 7                      | 5.5       | 8                      | 3                | 2    | ¥ 5,870  |
| M10× 1.25           | P3    | VFSHMR010N | 3P      | 75        | -                      | 13        | -                      | 38                     | 7                      | 5.5       | 8                      | 3                | 2    | ¥ 5,870  |
| M12× 1.75           | P4    | VFSHMS012P | 3P      | 82        | -                      | 15        | -                      | 42                     | 8.5                    | 6.5       | 9                      | 3                | 2    | ¥ 7,430  |
| M12× 1.5            | P3    | VFSHMR0120 | 3P      | 82        | -                      | 15        | -                      | 42                     | 8.5                    | 6.5       | 9                      | 3                | 2    | ¥ 7,430  |
| M12× 1.25           | P4    | VFSHMS012N | 3P      | 82        | -                      | 15        | -                      | 42                     | 8.5                    | 6.5       | 9                      | 3                | 2    | ¥ 7,430  |
| M14× 2              | P4    | VFSHMS014Q | 3P      | 88        | -                      | 18        | -                      | 45                     | 10.5                   | 8         | 11                     | 3                | 2    | ¥ 9,160  |
| M14× 1.5            | P3    | VFSHMR0140 | 3P      | 88        | -                      | 14        | -                      | 45                     | 10.5                   | 8         | 11                     | 3                | 2    | ¥ 9,160  |
| M16× 2              | P4    | VFSHMS016Q | 3P      | 95        | -                      | 18        | -                      | 48                     | 12.5                   | 10        | 13                     | 3                | 2    | ¥ 12,000 |
| M16× 1.5            | P3    | VFSHMR0160 | 3P      | 95        | -                      | 14        | -                      | 48                     | 12.5                   | 10        | 13                     | 3                | 2    | ¥ 12,000 |
| M18× 2.5            | P4    | VFSHMS018R | 3P      | 100       | -                      | 20        | -                      | 51                     | 14                     | 11        | 14                     | 4                | 2    | ¥ 16,000 |
| M18× 1.5            | P4    | VFSHMS0180 | 3P      | 100       | -                      | 14        | -                      | 51                     | 14                     | 11        | 14                     | 4                | 2    | ¥ 16,000 |
| M20× 2.5            | P4    | VFSHMS020R | 3P      | 105       | -                      | 20        | -                      | 50                     | 15                     | 12        | 15                     | 4                | 3    | ¥ 20,200 |
| M20× 1.5            | P4    | VFSHMS0200 | 3P      | 105       | -                      | 14        | -                      | 50                     | 15                     | 12        | 15                     | 4                | 3    | ¥ 20,200 |
| M22× 2.5            | P4    | VFSHMS022R | 3P      | 115       | -                      | 20        | -                      | 55                     | 17                     | 13        | 16                     | 4                | 3    | ¥ 25,600 |
| M22× 1.5            | P4    | VFSHMS0220 | 3P      | 115       | -                      | 14        | -                      | 55                     | 17                     | 13        | 16                     | 4                | 3    | ¥ 25,600 |
| M24× 3              | P4    | VFSHMS024S | 3P      | 120       | -                      | 25        | -                      | 55                     | 19                     | 15        | 18                     | 4                | 3    | ¥ 32,200 |
| M24× 1.5            | P4    | VFSHMS0240 | 3P      | 120       | -                      | 18        | -                      | 55                     | 19                     | 15        | 18                     | 4                | 3    | ¥ 32,200 |